

Số: 175/QĐ-TMNXS

Xuân Sơn, ngày 25 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý II năm 2025 của trường Mầm non Xuân Sơn**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON XUÂN SƠN**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 1185/QĐ-PGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đông Triều về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025.*

*Xét đề nghị của tổ văn phòng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý II năm 2025 của trường Mầm non Xuân Sơn (có theo biểu chi tiết kèm theo).

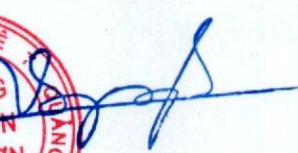
**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Bộ phận hành chính kế toán và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- BGH, Tổ văn phòng (t/h);
- Lưu: KT.

**HIỆU TRƯỞNG**

  
  
**Nguyễn Thị Ngọc Sang**

Số: 175/TB-TMNXS

Xuân Sơn, ngày 25 tháng 7 năm 2025

## THÔNG BÁO

### Về việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý II năm 2025 của trường Mầm non Xuân Sơn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 175 /QĐ-TMNXS ngày 25/7/2025 của trường Mầm non Xuân Sơn về việc công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý II năm 2025 của trường Mầm non Xuân Sơn

### TRƯỜNG MẦM NON XUÂN SƠN THÔNG BÁO

1. Công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý II năm 2025 của trường Mầm non Xuân Sơn theo Quyết định số 175/QĐ-TMNXS ngày 25 /05/2025 về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý II năm 2025.

2. Hình thức công khai:

- Niêm yết tại bảng thông báo công khai của nhà trường;
- Công khai trên trang thông tin điện tử của trường Mầm non Xuân Sơn

3. Thời gian công khai: 30 ngày, từ ngày 25/07/2025 đến ngày 24/08/2025.

4. Ban giám hiệu, tổ văn phòng có nhiệm vụ thực hiện niêm yết theo quy định của Pháp luật.

#### Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- BGH, Tổ văn phòng (t/h);
- Lưu: KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ngọc Sang

Đơn vị: TRƯỜNG MN XUÂN SON  
Chương: 622 Loại 070 Khoản 071

Biểu 03

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Triều, ngày 25 tháng 7 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2025**

(Kèm theo thông báo số: 175/TB-TMNXS ngày 25/7/2025 của trường MN Xuân Sơn)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 1185/QĐ-PGDĐT ngày 25/12/2025 của Phòng giáo dục và Đào tạo Thành phố Đông Triều "về việc giao dự toán ngân sách năm 2025";

Trường Mầm non Xuân Sơn công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2025 như sau:

ĐV tính: Đồng

| Số TT | Nội dung                                    | Dự toán đầu năm 2025 | Thực hiện quý II năm 2025 | Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|---------------------------------------------|----------------------|---------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                           | 3                    | 4                         | 5                                     | 6                                                          |
| I     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | 0                    | 0                         |                                       | -                                                          |
| 1     | Số thu phí, lệ phí                          | 0                    | 0                         |                                       | -                                                          |
| 1.1   | Học phí                                     | 0                    | 0                         |                                       | -                                                          |
| 2     | Chi từ nguồn thu phí được để lại            | 0                    | 0                         |                                       | -                                                          |
| 3     | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước       | 0                    | 0                         |                                       | -                                                          |
| II    | <u>Dự toán chi ngân sách nhà nước</u>       | <u>6.076.890.000</u> | <u>1.545.893.660</u>      | <u>25</u>                             | <u>125</u>                                                 |
| 1     | Chi quản lý hành chính                      |                      |                           |                                       |                                                            |
| 2     | Nghiên cứu khoa học                         |                      |                           |                                       |                                                            |
| 3     | Chi nghiệp vụ giáo dục đào tạo dạy nghề     | 6.076.890.000        | 1.545.893.660             | 25                                    | 125                                                        |
| 3.1   | <u>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</u>       | <u>6.076.890.000</u> | <u>1.545.893.660</u>      | <u>25</u>                             | <u>125</u>                                                 |
| a     | <u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>           | <u>5.204.482.000</u> | <u>1.322.691.100</u>      | <u>25</u>                             | <u>119</u>                                                 |
|       | Mục 6000: Tiền lương                        | 2.800.000.000        | 728.645.300               | 26                                    | 125                                                        |

|            |                                                                                                 |                    |                    |           |            |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------|------------|
|            | Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng                          |                    | -                  | 0         | -          |
|            | Mục 6100: Phụ cấp lương                                                                         | 1.600.000.000      | 378.437.000        | 24        | 112        |
|            | Mục 6200: Tiền thưởng                                                                           | 21.000.000         | 20.358.000         |           | -          |
|            | Mục 6250: Phúc lợi tập thể                                                                      | 10.000.000         | -                  | 0         | -          |
|            | Mục 6300: Các khoản đóng góp                                                                    | 773.482.000        | 195.250.800        | 25        | 124        |
|            | Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân                                                 |                    | -                  | 0         | -          |
| <b>b</b>   | <b><u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u></b>                                                          | <b>792.408.000</b> | <b>186.032.560</b> | <b>23</b> | <b>244</b> |
|            | Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng                                                          | 100.000.000        | 27.695.016         | 28        | 339        |
|            | Mục 6550: Vật tư văn phòng                                                                      | 100.000.000        | 42.270.000         | 42        |            |
|            | Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc                                                       | 30.252.000         | 10.602.900         | 35        | 113        |
|            | Mục 6650: Hội nghị                                                                              | 10.000.000         |                    | 0         |            |
|            | Mục 6700: Công tác phí                                                                          | 35.000.000         | 1.790.000          | 5         | 85         |
|            | Mục 6750: Chi phí thuê mướn                                                                     | 97.156.000         | -                  | 0         | -          |
|            | Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng. | 50.000.000         |                    | 0         | -          |
|            | Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn                                           | 100.000.000        | -                  | 0         | -          |
|            | Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành                                           | 250.000.000        | 103.674.644        | 41        | -          |
|            | Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình                                                               | 20.000.000         |                    | 0         | -          |
| <b>c</b>   | <b><u>Các khoản chi khác</u></b>                                                                | <b>80.000.000</b>  | <b>37.170.000</b>  | <b>46</b> | <b>-</b>   |
|            | Mục 7750: Chi khác                                                                              | 80.000.000         | 37.170.000         | 46        | -          |
| <b>3.2</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>                                                     | <b>-</b>           | <b>-</b>           |           | <b>-</b>   |
| <b>a</b>   | <b><u>Chi thanh toán cho cá nhân</u></b>                                                        | <b>-</b>           |                    |           | <b>-</b>   |
|            | Mục 6100: Phụ cấp lương                                                                         | -                  |                    |           | -          |
|            | Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ cho HS SV                                                          | -                  |                    |           | -          |
|            | Mục 6750: Chi thuê mướn                                                                         | -                  |                    |           | -          |
| <b>b</b>   | <b><u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u></b>                                                          | <b>-</b>           | <b>-</b>           |           | <b>-</b>   |
|            | Mục 6750: Chi phí thuê mướn                                                                     | -                  | -                  |           | -          |
|            | Chi khác                                                                                        |                    | -                  |           | -          |



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Ngọc Sang